

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm): *Lựa chọn đáp án đúng và ghi vào giấy kiểm tra.*

Câu 1. Khi chiếu một vật thể lên một mặt phẳng, hình nhận được trên mặt phẳng đó gọi là:

- A. hình chiếu B. vật chiếu C. mặt phẳng chiếu D. vật thể

Câu 2. Phần vật thể bị phần mặt phẳng cắt cắt qua được

- A. kẻ bằng nét đứt B. kẻ bằng đường chấm gạch
C. tô màu hồng D. kẻ gạch gạch

Câu 3. Để thu được hình chiếu cạnh, hướng chiếu từ:

- A. trước tới B. trên xuống C. trái sang D. phải sang

Câu 4. Hình chiếu trên mặt phẳng vuông góc với trục quay của hình trụ là

- A. hình chữ nhật B. tam giác cân C. tam giác vuông D. hình tròn

Câu 5. Hình hộp chữ nhật có kích thước:

- A. Dài, rộng B. Dài, cao C. Rộng, cao D. Dài, rộng, cao

Câu 6. Khối tròn xoay là

- A. đai ốc 6 cạnh B. hộp phân C. quả bóng D. bao diêm

Câu 7. Hình chiếu trên mặt phẳng song song với trục quay của hình nón là:

- A. Tam giác B. Tam giác cân C. Tam giác vuông D. Hình tròn

Câu 8. Kim tự tháp là một khối đa diện có dạng hình:

- A. hình hộp chữ nhật B. hình nón cụt C. hình lăng trụ đều D. hình chóp đều

Câu 9. Hình hộp chữ nhật được bao bởi mấy hình chữ nhật?

- A. 7 B. 6 C. 5 D. 4

Câu 10. Hình nón có hình chiếu đứng là tam giác cân, hình chiếu bằng là hình gì?

- A. Tam giác B. Tam giác cân C. Hình tròn D. Hình chữ nhật

Câu 11. Kích thước trên bản vẽ kỹ thuật tính theo đơn vị:

- A. mm B. cm C. dm D. m

Câu 12. Phép chiếu vuông góc có đặc điểm:

- A. Các tia chiếu đồng quy tại một điểm.
B. Các tia chiếu đi xuyên qua vật thể.
C. Các tia chiếu song song với nhau.
D. Các tia chiếu vuông góc với mặt phẳng hình chiếu.

Câu 13. Công dụng của bản vẽ chi tiết là

- A. chế tạo và lắp ráp. B. thiết kế, thi công và sử dụng.
C. thiết kế và sửa chữa. D. chế tạo và kiểm tra.

Câu 14. Điền vào chỗ trống: “Khi quay một vòng quanh một cạnh cố định, ta được hình hình nón”.

A. hình tam giác **B.** hình chữ nhật **C.** nửa hình tròn **D.** hình tam giác vuông

Câu 15. Điểm A của vật thể có hình chiếu là điểm A' trên mặt phẳng. Vậy A A' gọi là:

A. Đường thẳng chiếu **B.** Tia chiếu **C.** Đường chiếu **D.** Đoạn chiếu

Câu 16. Trong bản vẽ kĩ thuật có ghi tỷ lệ 1: 100 nghĩa là

A. kích thước trong bản vẽ nhỏ hơn kích thước ngoài 100 lần.

B. kích thước trong bản vẽ lớn hơn kích thước ngoài 100 lần.

C. bản vẽ phóng to so với vật thật.

D. bản vẽ thu nhỏ so với vật thật.

Câu 17. Khi đọc bản vẽ chi tiết, phải đọc nội dung gì trước?

A. Hình biểu diễn **B.** Kích thước **C.** Yêu cầu kĩ thuật **D.** Khung tên

Câu 18. Hình chóp đều được bao bởi mặt đáy là:

A. Tam giác **B.** Tam giác đều **C.** Đa giác đều **D.** Hình chữ nhật

Câu 19. Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là

A. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kĩ thuật, tổng hợp

B. Khung tên, kích thước, hình biểu diễn, yêu cầu kĩ thuật, tổng hợp

C. Hình biểu diễn, khung tên, kích thước, yêu cầu kĩ thuật, tổng hợp

D. Hình biểu diễn, kích thước, khung tên, yêu cầu kĩ thuật, tổng hợp

Câu 20. Hình cắt là hình biểu diễn phần vật thể ở

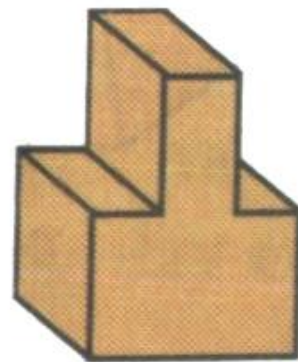
A. trước mặt phẳng cắt **B.** sau mặt phẳng cắt

C. trên mặt phẳng cắt **D.** dưới mặt phẳng cắt

PHẦN II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (3 điểm). Trình bày quy ước vẽ ren ngoài? Kể tên một số chi tiết có ren mà em biết?

Câu 2 (2 điểm). Cho vật thể sau. Em hãy vẽ hình chiếu đứng, chiếu cạnh, chiếu bằng của vật thể đó. Chú ý: các kích thước lấy trên hình hoặc vẽ tỉ lệ gấp đôi.



I. TRẮC NGHIỆM: Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Đề CN811:

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đ/A	A	D	C	D	D	C	B	D	B	C
CÂU	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đ/A	A	D	D	D	B	A	D	C	A	B

II. TỰ LUẬN

Câu 1	-Quy ước vẽ ren ngoài: + Đường đỉnh ren được vẽ bằng nét liền đậm + Đường chân ren được vẽ bằng nét liền mảnh + Đường giới hạn ren được vẽ bằng nét liền đậm + Vòng đỉnh ren được vẽ đóng kín bằng nét liền đậm + Vòng chân ren được vẽ hở bằng nét liền mảnh - Kể tên chi tiết có ren đúng	0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm
Câu 2	-Vẽ đúng hình chiếu đứng -Vẽ đúng hình chiếu bằng -Vẽ đúng hình chiếu cạnh -Vẽ đúng tỉ lệ, sắp xếp vị trí trên bản vẽ	0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm

